

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2024

V/v “Xin ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Sỹ Huyền; bà Nguyễn Thị Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thế Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2023 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS, ngày 22/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc D trình bày:*

Về tình cảm: Anh Nguyễn Quốc D và chị Phạm Thị L đăng ký kết hôn vào ngày 18/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do việc chi tiêu, sử dụng tài sản chung không có sự thống nhất với nhau và cả hai đã ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay. Nay vì tình cảm vợ chồng không còn và vì tương lai

của các con nên anh D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh D được ly hôn với chị Phạm Thị L.

Về con chung, theo đơn khởi kiện anh D trình bày: Vợ chồng có 03 con chung, đó là Nguyễn Phạm Dạ T, sinh ngày 26/9/2014, Nguyễn Phạm Bảo T1, sinh ngày 30/5/2016 và Nguyễn Phạm Thùy L1, sinh ngày 14/6/2018 và anh D có nguyện vọng xin nhận nuôi hai con là Nguyễn Phạm Bảo T1 và Nguyễn Phạm Thùy L1, để cho chị L nuôi con Nguyễn Phạm Dạ T và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh D trình bày nếu chị L không đồng ý để anh D nuôi 02 con chung (để chị L nuôi 01 con chung) như nguyện vọng trong đơn khởi kiện của anh D, thì anh D sẽ nhận nuôi cả 03 con chung, nhưng chị L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi con 3.000.000đ/tháng (tương đương 9.000.000đ/tháng đối với cả 03 con) cho đến khi các con đủ 18 tuổi; hoặc anh D nhận nuôi 01 con chung, để cho chị L nuôi 02 con chung, anh D xin nhận cấp dưỡng nuôi 01 con mỗi tháng 3.000.000đ (đối với 02 con còn lại không ai phải cấp dưỡng nuôi con).

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Chị L thừa nhận về thời điểm đăng ký kết hôn cũng việc chung sống với nhau sau khi kết hôn, và thời điểm xảy ra mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn không phải là do việc không thống nhất với nhau về việc chi tiêu, sử dụng tài sản chung như anh D nêu, mà là do anh D sống không có trách nhiệm với vợ, con. Nay chị L xét thấy không còn tình cảm với anh D, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L đồng ý ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như anh D trình bày là đúng thực tế. Chị L không muốn các con phải chia rẽ nhau, nên nếu ly hôn thì chị L có nguyện vọng xin nhận nuôi cả 03 con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con đối với con chung Nguyễn Phạm Bảo T1 và Nguyễn Phạm Thùy L1 mỗi con, mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, còn đối với con chung Nguyễn Phạm Dạ T chị L không yêu cầu cấp dưỡng; nếu anh D không đồng ý với nguyện vọng này của chị L thì chị L đồng ý để cho anh D nuôi cả 03 con chung, nhưng chị L sẽ không cấp dưỡng nuôi con; hoặc chị L nuôi 03 con nhưng không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải để anh D, chị L đoàn tụ, tuy nhiên các lần hòa giải đã không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên hòa giải không thành. Do vậy, Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh D, chị L đang sinh sống để làm rõ nguyên nhân mâu thuẫn cũng như khả năng, điều kiện nuôi con.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn thực hiện tương đối đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của anh Nguyễn Quốc D, đồng ý cho anh D ly hôn với chị Phạm Thị L.

+ Về con chung: Xét nguyện vọng và mong muốn được trực tiếp nuôi con chung của các đương sự, điều kiện thực tế cũng như nguyện vọng của các con chung đã trên 07 tuổi và đối chiếu với quy định tại Điều 58; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần giao cả hai con chung Nguyễn Phạm Dạ T, sinh ngày 26/9/2014 và Nguyễn Phạm Thùy L1, sinh ngày 14/6/2018 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Phạm Bảo T1, sinh ngày 30/5/2016 cho anh Nguyễn Quốc D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Phạm Thùy L1 mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn anh Nguyễn Quốc D phải án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Quốc D có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn giải quyết ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Phạm Thị L có địa chỉ cư trú tại số T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định

tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc D và chị Phạm Thị L trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy đăng ký kết hôn số 06, ngày 18/02/2014, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo anh D trình bày: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, lý do là vợ chồng không đồng thuận, thống nhất với nhau về việc chi tiêu, sử dụng tài sản chung. Còn chị L thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn không phải do không đồng thuận trong việc chi tiêu, sử dụng tài sản chung mà là do anh D sống không có trách nhiệm với vợ, con. Hội đồng xét xử xét thấy, dù lý do mâu thuẫn là gì thì trên thực tế anh D, chị L cũng đã ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa cả hai cũng đều khẳng định không còn tình cảm với nhau và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, xét thấy yêu cầu của anh D xin được ly hôn với chị L là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên cần chấp nhận, đồng ý cho anh D được ly hôn với chị L.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Phạm Dạ T, sinh ngày 26/9/2014; Nguyễn Phạm Bảo T1, sinh ngày 30/5/2016; Nguyễn Phạm Thùy L1, sinh ngày 14/6/2018.

Xét thấy ba người con chung của vợ chồng hiện tại đang sống cùng chị L kể từ khi ly thân cho đến nay, và hiện nay Nguyễn Phạm Dạ T, sinh ngày 26/9/2014, đang học lớp 4 trường tiểu học S, huyện H; Nguyễn Phạm Bảo T1, sinh ngày 30/5/2016, đang học lớp 2 Trường tiểu học S, huyện H; Nguyễn Phạm Thùy L1, sinh ngày 14/6/2018, đang học tại Trường mầm non T2, xã S, huyện H. Hai cháu Nguyễn Phạm Dạ T, Nguyễn Phạm Bảo T1 đều có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn thì hai cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là Phạm Thị L.

Xét nguyện vọng muốn được nuôi con của chị L và anh D đều thể hiện trách nhiệm của cha mẹ đối với con. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa mặc dù anh D, chị L đã đưa ra nhiều đề nghị về việc phân chia nghĩa vụ nuôi con cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng giữa anh D, chị L đã không thống nhất được với nhau. Xét điều kiện hoàn cảnh cả anh D, chị L đều là lao động tự do, hiện 03 con chung đều đang nhỏ tuổi (cháu lớn nhất 10 tuổi và cháu nhỏ nhất 06 tuổi) nên cần rất nhiều chi phí về mặt vật chất và điều kiện về mặt thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng các con, do đó nếu giao cả 03 cháu cho một bên nuôi dưỡng là không phù hợp, không đảm bảo về mặt vật chất, cũng như tinh thần cho các cháu phát triển tốt nhất. Vì vậy cần giao một bên nuôi 01 cháu và một bên nuôi dưỡng 02 cháu.

Xét hoàn cảnh, tâm sinh lý của các cháu, thấy: Đối với cháu Nguyễn Phạm Thùy L1, sinh năm 2018, còn nhỏ, là con gái, cần bàn tay chăm sóc của mẹ hơn so với cháu Nguyễn Phạm Dạ T, Nguyễn Phạm Bảo T1. Xét thấy cháu T, sinh

năm 2014, tuy mới 10 tuổi, nhưng có thể hỗ trợ mẹ chăm sóc cho em, vì vậy nên giao cháu T, cháu L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với cháu Nguyễn Phạm Bảo T1 có nguyện vọng ở với mẹ Phạm Thị L nhưng xét điều kiện, hoàn cảnh chung của anh D, chị L, xét nghĩa vụ chung trong chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và anh D cũng có nguyện vọng được nuôi cháu T1, vì vậy giao cháu T1 cho anh D nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy với việc giao chị L nuôi dưỡng 02 con chung và anh D nuôi dưỡng 01 con chung, nên cần xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng của anh D. Chị L có nguyện vọng nhận nuôi cả 03 con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con đối với con chung T1 và L1 mỗi tháng 3.000.000đ/con; anh D có ý kiến nếu chị L nuôi dưỡng 02 con chung và anh D sẽ nhận cấp dưỡng nuôi 01 con chung, mỗi tháng 3.000.000đ. Dựa trên yêu cầu của chị L, sự tự nguyện cấp dưỡng của anh D cũng như để đảm bảo quyền lợi cho con chung của anh D, chị L, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị L đối với cháu Nguyễn Phạm Thùy L1, sinh ngày 14/6/2018 mỗi tháng 3.000.000đ, cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi (anh D, chị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung Nguyễn Phạm Dạ T, Nguyễn Phạm Bảo T1).

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Quốc D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Quốc D được ly hôn với chị Phạm Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phạm Dạ T, sinh ngày 26/9/2014 và Nguyễn Phạm Thùy L1, sinh ngày 14/6/2018 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Phạm Bảo T1, sinh ngày 30/5/2016 cho anh Nguyễn Quốc D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị L đối với cháu Nguyễn

Phạm Thùy L1 một tháng 3.000.000đ, kể từ tháng 6/2024 cho đến khi cháu Linh trưởng t (đủ 18 tuổi).

Chị L, anh D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, cũng như không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Quốc D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng. Anh D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006500 ngày 06/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, nay phải tiếp tục nộp 300.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Sơn;
- UBND xã Sơn Hồng;
- Chi cục THADS Hương Sơn;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ + VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Đạt

